

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 22/2023/HSST
Ngày 14/4/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và ông Nguyễn Trường Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên

Ngày 14/4/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 23/02/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 09/3/2023, đối với các bị cáo:

1- Trần Thị Thúy Phụng. sinh năm 1977. Tại xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Giáo viên. Trình độ học vấn: lớp 12, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Tiền án, Tiền sự: Không

Con ông Trần Việt Hoa và bà Phạm Thị Chương (hiện còn sống), có chồng là Nguyễn Việt Ánh (sinh năm 1975), cùng trú tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2- Nguyễn Văn Trì. sinh năm 1963. Tại xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 9, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền án, Tiền sự: Không

Con ông Nguyễn Văn Tư và bà Trần Thị Mai (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Trần Thị Sỹ, sinh năm 1965, trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam và có 03 con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 2000.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3- Nguyễn Hữu Tĩnh (Tên gọi khác: Bum). sinh năm 1989. Tại xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: thôn La Thập Tây xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 9, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền án, Tiền sự: Không

Con ông Nguyễn Hữu Thức và bà Phạm Thị Lan (hiện còn sống), có vợ là Lê Thị San (sinh năm 1992), cùng trú tại thôn La Thập Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2021 đến ngày 17/3/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

4- Nguyễn Phước Vĩnh. sinh năm 1988. Tại xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: thôn La Thập Tây xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 12, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền án, Tiền sự: Không

Con ông Nguyễn Tám và bà Võ Thị Tám (hiện còn sống), có vợ là Lê Nhật Linh (sinh năm 1987), cùng trú tại thôn La Thập Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có 01 con sinh năm 2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

5- Lê Nam Chung. sinh năm 1991. Tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: Tổ 73, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Nghề nghiệp: lái xe. Trình độ học vấn: lớp 12, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Tiền án, Tiền sự: Không

Con ông Lê Nam Tiến và bà Trần Thị Cưu (hiện còn sống), có vợ là Trần Thị Trúc (sinh năm 1991), cùng trú tại: Tổ 73, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2021 đến ngày 17/3/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị Kim Phượng, sinh năm 1980; trú tại: thôn La Thập Tây, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thành, sinh năm 1978; trú tại: thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Đỗ Thanh Châu, sinh năm 1978; trú tại: thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị các chủ nợ liên tục gây áp lực đòi tiền nên ngày 19/12/2021, Đỗ Thị Kim Phượng đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Nam trình báo về việc Phượng cần tiền kinh doanh nên đã vay tiền của Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh, Trần Thị Thúy Phượng với lãi suất cao hơn gấp nhiều lần so với mức tối đa mà Bộ luật dân sự quy định là từ 9%-15%/01 tháng tương đương từ 108% - 180%/01 năm (gấp 5,4 đến 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Qua điều tra, ngoài Đỗ Kim Phượng thì còn có Nguyễn Thị Ngọc Thành và Đỗ Thanh Châu cũng tham gia vay tiền, trả lãi với lãi suất cao từ 9% - 15%/01 tháng (tương đương từ 108% - 180%/01 năm) của Lê Nam Chung, Nguyễn Văn Trì. Việc cho vay, nhận tiền và trả lãi của các bị cáo và người vay diễn ra bằng nhiều hình thức bao gồm cả gặp trực tiếp, gọi điện thoại, nhắn tin qua mạng xã hội Zalo, Facebook và chuyển khoản ngân hàng. Kết quả điều tra đã xác định cụ thể như sau:

Đối với Trần Thị Thúy Phượng

Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 28/01/2021, bị cáo Phượng đã nhiều lần cho bà Đỗ Thị Kim Phượng và bà Nguyễn Thị Ngọc Thành vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 01/11/2020, bị cáo Trần Thị Thúy Phượng cho bà Đỗ Thị Kim Phượng vay số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) với lãi suất 0,3%/01 ngày tương đương 108%/01 năm (gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 01/12/2020, bà Đỗ Thị Kim Phượng đã trả cho bị cáo Trần Thị Thúy Phượng số tiền lãi là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và chưa trả tiền gốc. Ngày 01/12/2020 bà Kim Phượng thoả thuận với bị cáo Thúy Phượng tiếp tục vay số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất tăng lên thành 0,35%/01 ngày tương đương 126%/01 năm (gấp 6,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tính từ ngày 01/12/2020. Đến ngày 01/3/2021, bà Kim Phượng trả tiền lãi cho bị cáo Thúy Phượng với số tiền là 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng) và trả nợ 1.000.000.000 đồng tiền gốc. Khoản vay này bị cáo Thúy Phượng nhận tổng cộng số tiền lãi là 405.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 338.333.333đ (ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Lần 2: Vào tháng 02/2021, bị cáo Thúy Phượng cho bà Kim Phượng vay số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến tháng 5/2021, bà Kim Phượng trả cho bị cáo Thúy Phượng số tiền lãi là 142.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 122.622.222 đồng. Khoản vay này bà Kim Phượng đã trả đủ tiền gốc cho bị cáo Thúy Phượng.

Lần 3: Vào ngày 21/12/2020, bị cáo Thúy Phượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành vay số tiền 1.800.000.000 đồng, bà Thành và bị cáo Phượng thoả thuận lãi suất vay là 0,25%/01 ngày tương đương 90%/01 năm. Đến ngày 08/01/2021 bà Thành thoả thuận với bị cáo Phượng nâng lãi suất vay số tiền là 1.800.000.000 đồng lên 0,3%/01 ngày tương đương 108%/01 năm (gấp 5,4 lần so với mức lãi suất

cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tính đến ngày 04/02/2021, bà Thành đã trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 151.200.000 đồng và trả 1.000.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 04/02/2021, khoản vay này còn 800.000.000 đồng, bà Thành và bị cáo Phụng tiếp tục thỏa thuận với lãi suất vay là 0,35%/01 ngày tương đương 126%/01 năm (gấp 6,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 05/5/2021, bà Thành trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 249.200.000 đồng, sau đó không đóng lãi nữa, bà Thành còn nợ bị cáo Phụng số tiền gốc là 800.000.000 đồng. Tổng khoản vay này bà Thành trả cho bị cáo Phụng tổng số tiền lãi là 400.400.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 332.844.444 đồng.

Lần 4: Vào ngày 23/12/2020, bị cáo Phụng cho bà Thành vay số tiền là 2.000.000.000 đồng với lãi suất 0,32%/01 ngày tương đương 115,2%/01 năm (gấp 5,76 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tính đến ngày 23/02/2021, bà Thành trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 396.800.000 đồng. Đến ngày 23/02/2021 bà Thành và bị cáo Phụng thỏa thuận tăng lãi suất lên thành 0,35%/01 ngày tương đương 126%/01 năm (gấp 6,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 23/4/2021, bà Thành trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 413.000.000 đồng, sau đó không trả tiền lãi nữa. Khoản vay này bà Thành còn nợ bị cáo Phụng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi khoản vay này bà Thành đã trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 809.800.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính 675.355.556 đồng.

Lần 5: Vào ngày 20/01/2021, bị cáo Phụng cho bà Thành vay số tiền 600.000.000 triệu đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tính đến ngày 20/4/2021, bà Thành đã trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 216.000.000 đồng, sau đó không trả lãi nữa, số tiền thu lợi bất chính là 186.000.000 đồng. Khoản vay này bà Thành còn nợ bị cáo Phụng số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Lần 6: Vào ngày 28/01/2021, bị cáo Phụng cho bà Thành vay số tiền là 800.000.000 triệu đồng với lãi suất 0,3%/01 ngày tương đương 108%/01 năm (gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 28/4/2021, bà Thành trả cho bị cáo Phụng số tiền lãi là 216.000.000 đồng, sau đó không trả lãi nữa. Khoản vay này số tiền thu lợi bất chính là 176.000.000 đồng, bà Thành còn nợ bị cáo Phụng số tiền gốc 800.000.000 đồng,

Như vậy bị cáo Trần Thị Thuý Phụng đã cho vay với tổng số tiền là **6.600.000.000 đồng**, số tiền gốc thu lại là **2.400.000.000 đồng**, số tiền lãi thu được là **2.189.600.000 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là **1.831.155.555 đồng**.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Trì

Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 26/4/2021, bị cáo Trì đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành vay tiền thu lãi suất cao, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 26/10/2020, bị cáo Trì cho bà Thành vay số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 03/11/2020, bà Thành đã trả cho bị cáo Trì số tiền lãi là 28.800.000 đồng và đã trả

đủ tiền gốc. Khoản vay này, bị cáo Trì thu lợi bất chính số tiền là 24.800.000đ đồng.

Lần 2: Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 26/11/2020, bị cáo Trì cho bà Thành vay số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Vào các ngày 05/12/2020, 21/12/2020 và 25/12/2020, bà Thành đã trả cho bị cáo Trì với tổng số tiền lãi là 134.400.000 đồng và trả số tiền gốc. Khoản vay này số tiền thu lợi bất chính là 115.733.333 đồng.

Lần 3: Từ ngày 29/12/2020 đến ngày 21/01/2021, bị cáo Trì cho bà Thành vay số tiền là 2.200.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Bà Thành đã trả cho bị cáo Trì số tiền lãi là 158.400.000 đồng và trả đủ số tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính trong khoảng vay này là 136.400.000 đồng.

Lần 4: Từ ngày 21/01/2021 đến ngày 22/01/2021, bị cáo Trì cho bà Thành vay với số tiền là 1.900.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Vào các ngày 01/3/2021 và 04/3/2021, bà Thành đã trả đủ tiền gốc, đến ngày 05/3/2021 bà Thành đã trả cho bị cáo Trì tổng số tiền lãi là 302.800.000 đồng. Trong đó số tiền thu lợi bất chính là 260.744.444 đồng.

Lần 5: Vào ngày 26/01/2021, bị cáo Trì cho bà Thành vay số tiền là 800.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/01 ngày tương đương 144%/01 năm (gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Vào các ngày 29/01/2021 và 01/02/2021, bà Thành đã trả đủ tiền vay gốc, đến ngày 02/02/2021 bà Thành đã trả cho bị cáo Trì tổng cộng số tiền lãi là 23.600.000đ đồng, tuy nhiên bị cáo Trì bớt lãi trả lại cho Thành số tiền là 2.400.000 đồng. Khoản vay này bị cáo Trì thu lợi bất chính số tiền là 20.322.222 đồng.

Lần 6: Vào ngày 04/02/2021, bị cáo Trì cho bà Thành vay 03 khoản với tổng số tiền là 2.400.000.000 đồng với lãi suất 0,3%/01 ngày tương đương 108%/01 năm (gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Vào các ngày 31/3/2021, 02/4/2021 và 06/4/2021, bà Thành đã trả đủ tiền vay gốc cho bị cáo Trì. Vào các ngày 08/02/2021, 17/3/2021 và 06/4/2021, bà Thành đã trả cho bị cáo Trì với số tiền lãi tổng cộng là 425.400.000 đồng. Khoản vay này, số tiền thu lợi bất chính là 346.622.222 đồng.

Lần 7: Vào ngày 08/4/2021, bị cáo Trì cho bà Thành vay số tiền 900.000.000 đồng với lãi suất 0,3%/01 ngày tương đương 108%/01 năm (gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến ngày 26/4/2021, bà Thành đã trả cho bị cáo Trì số tiền lãi là 35.100.000 đồng. Trong đó số tiền thu lợi bất chính là 28.600.000 đồng. Khoản vay này bà Thành đã trả xong tiền gốc.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Trì đã cho vay là **10.200.000.000 đồng**, đã thu hồi **10.200.000.000 đồng** tiền gốc cho vay. Tổng tiền lãi là **1.108.500.000 đồng**, trong đó số tiền thu lợi bất chính là **933.222.222 đồng**.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tỉnh

Từ ngày 06 tháng 7 năm 2020 đến ngày 04 tháng 02 năm 2021, bị cáo Tỉnh đã nhiều lần cho bà Đỗ Thị Kim Phượng và ông Đỗ Thanh Châu vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 06 tháng 7 năm 2020, bị cáo Tỉnh cho bà Đỗ Thị Kim Phượng vay số tiền là 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 15%/01 tháng, tương đương 180%/01 năm (gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tỉnh quy định cứ 10 ngày thì bà Phượng phải trả lãi cho Tỉnh 01 lần. Đến ngày 26/8/2020, bà Phượng trả cho Tỉnh số tiền lãi là 500.000.000 đồng, Tỉnh và Phượng thỏa thuận giảm lãi suất còn 13,5%/01 tháng, tương đương 162%/01 năm (gấp 8,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày 17/9/2020, bà Phượng trả cho Tỉnh số tiền lãi là 180.000.000 đồng, Tỉnh và Phượng tiếp tục thỏa thuận giảm lãi suất vay còn 11%/01 tháng, tương đương 132%/01 năm (gấp 6,6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tính từ ngày 17/9/2020 đến ngày 04/11/2020, bà Phượng đã trả cho Tỉnh số tiền lãi là 330.000.000 đồng và trả 2.000.000.000 đồng tiền gốc cho Tỉnh. Sau khi nhận tiền đủ thì Tỉnh cho lại Phượng số tiền là 50.000.000 đồng. Khoản vay này Phượng đã trả đủ tiền gốc cho Tỉnh và trả tổng cộng số tiền lãi là 1.010.000.000 đồng, trong đó số tiền Tỉnh thu lợi bất chính là 822.222.222 đồng.

Lần 2: Vào ngày 06/12/2020, bị cáo Tỉnh cho Đỗ Thanh Châu vay số tiền là 300.000.000 đồng (trong đó có 150.000.000 đồng của bị cáo Lê Nam Chung góp vào cho vay cùng) với lãi suất 10,66%/01 tháng, tương đương 127,92%/01 năm (gấp 6,396 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tỉnh quy định cứ 15 ngày ông Châu phải trả lãi cho Tỉnh 01 lần. Tính đến ngày 06/5/2021, ông Châu trả cho Tỉnh số tiền lãi là 160.000.000 đồng (tiền lãi này Tỉnh và Chung chia đôi), sau đó ông Châu không đóng lãi nữa. Tỉnh thu lợi bất chính số tiền là 67.500.000 đồng. Khoản vay này Châu còn nợ Tỉnh số tiền gốc là 300.000.000 đồng (trong đó số tiền của Tỉnh là 150.000.000 đồng và của Chung là 150.000.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Hữu Tỉnh cho vay là **2.150.000.000 đồng**, số tiền gốc thu lại là **2.000.000.000 đồng**, số tiền lãi thu được là **1.090.000.000 đồng**, trong đó số tiền thu lợi bất chính là **889.722.222 đồng**.

Đối với bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh

Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 5 năm 2021, bị cáo Vĩnh đã nhiều lần cho bà Đỗ Thị Kim Phượng và ông Đỗ Thanh Châu vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 4/2021, bị cáo Vĩnh cho bà Đỗ Thị Kim Phượng vay số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất vay là 10%/01 tháng, tương đương 120%/01 năm (gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Vĩnh quy định 01 tháng thì bà Phượng phải trả lãi cho Vĩnh 01 lần. Đến tháng 10/2021, bà Phượng đã trả cho Vĩnh số tiền lãi là 140.000.000 đồng, sau đó không đóng lãi nữa, số tiền thu lợi bất chính là 116.666.667 đồng. Khoản vay này Phượng còn nợ Vĩnh số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

Lần 2: Vào tháng 10/2021, bị cáo Vĩnh cho ông Đỗ Thanh Châu vay số tiền là 500.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, tương đương 120%/01 năm (gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến tháng 11/2021, ông Châu trả cho Vĩnh số tiền lãi là 50.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 41.666.667 đồng. Khoản vay này Châu đã trả đủ tiền gốc cho Vĩnh.

Lần 3: Vào tháng 5/2021, bị cáo Vĩnh cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành vay số tiền là 500.000.000 đồng với lãi suất là 10%/01 tháng, tương đương 120%/01 năm (gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Đến tháng 8/2021, bà Thành trả cho Vĩnh số tiền lãi là 150.000.000 đồng, sau đó bà Thành không trả lãi cho Vĩnh nữa, số tiền thu lợi bất chính là 125.000.000 đồng. Khoản vay này bà Thành còn nợ Vĩnh số tiền gốc là 500.000.000 đồng.

Như vậy bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh đã cho vay với tổng số tiền là **1.200.000.000 đồng**, đã thu lại được **500.000.000 đồng** tiền gốc, tiền lãi thu được là **340.000.000 đồng**, trong đó thu lợi bất chính số tiền là **283.333.334 đồng**.

Đối với bị cáo Lê Nam Chung

Từ ngày 06 tháng 12 năm 2020 đến giữa tháng 5 năm 2021, bị cáo Chung đã nhiều lần cho ông Đỗ Thanh Châu vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 06/12/2020, bị cáo Chung góp số tiền là 150.000.000 đồng với bị cáo Nguyễn Hữu Tỉnh để cho ông Đỗ Thanh Châu vay số tiền là 300.000.000 đồng với lãi suất 10,66%/01 tháng, tương đương 127,92%/01 năm (gấp 6,396 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), đến tháng 5/2021 ông Châu trả cho Chung và Tỉnh số tiền lãi là 160.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 135.000.000 đồng (trong đó Vĩnh thu lợi bất chính là 67.500.000 đồng). Khoản vay này ông Châu chưa trả tiền gốc cho bị cáo Chung và bị cáo Tỉnh.

Lần 2: Vào ngày 14/4/2021, bị cáo Chung cho ông Đỗ Thanh Châu vay số tiền là 1.000.000.000 đồng với lãi suất là 15%/1 tháng, tương đương 180%/01 năm, đến ngày 19/4/2021 ông Châu trả cho Chung số tiền lãi là 26.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.222.222 đồng. Khoản vay này ông Châu đã trả cho Chung tiền gốc.

Lần 3: Vào ngày 01/5/2021, bị cáo Chung cho ông Châu vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 14%/01 tháng, tương đương 168%/01 năm, đến ngày 12/5/2021 ông Châu trả cho Chung số tiền lãi là 56.000.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lợi bất chính là 49.888.889 đồng. Khoản vay này ông Châu đã trả cho Chung số tiền gốc.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Lê Nam Chung cho vay là **2.150.000.000 đồng**, đã thu lại được **2.000.000.000 đồng** tiền gốc, số tiền lãi thu được là **162.000.000 đồng**, trong đó số tiền thu lợi bất chính là **140.611.111 đồng**.

Các bị cáo Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu Tỉnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên truy tố hành vi của bị cáo là đúng, thống nhất về tội danh và khung hình phạt.

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSDX-HS ngày 08/9/2022 VKSND huyện Duy Xuyên truy tố các bị cáo Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu

Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, Điều 35, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (riêng bị cáo Trì không áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS), điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt:

Trần Thị Thuý Phượng: từ 350 triệu đến 450 triệu đồng.

Nguyễn Văn Trì: từ 250 triệu đến 350 triệu đồng

Nguyễn Hữu Tĩnh: từ 250 triệu đến 350 triệu đồng

Nguyễn Phước Vĩnh: từ 200 triệu đến 250 triệu đồng

Lê Nam Chung: từ 200 triệu đến 250 triệu đồng

- Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với bị cáo Trần Thị Thuý Phượng: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền mà bị cáo cho vay là 6.600.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 358.444.444 đồng (đây là tiền liên quan đến việc phạm tội). Tuy nhiên, số tiền bị cáo Phượng cho người liên quan Nguyễn Thị Ngọc Thành vay là 6.600.000.000 đồng nhưng bà Thành mới trả cho bị cáo Phượng 2.400.000.000 đồng, do đó truy thu bị cáo Phượng số tiền vay là 2.400.000.000 đồng; bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người liên quan bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền là 460.955.555 đồng (đã khắc phục số tiền 30.000.000 đồng), cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 1.370.200.000 đồng (đã khắc phục số tiền 15.000.000 đồng).

+ Đối với bị cáo của Nguyễn Văn Trì: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền cho vay là 10.200.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 175.277.778 đồng (đây là tiền liên quan đến việc phạm tội); số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 933.222.222 đồng, hiện bị cáo đã trả lại cho người liên quan Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 1.150.000.000đ nên buộc bà Thành trả lại cho bị cáo 216.777.778đ.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tĩnh: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền cho vay là 2.150.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 200.277.778 đồng (đây là tiền liên quan đến việc phạm tội). Tuy nhiên, số tiền bị cáo Tĩnh cho người liên quan vay chỉ thu lại số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, do đó truy thu số tiền bị cáo cho vay là 2.000.000.000 đồng; bị cáo trả lại cho người liên quan bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền thu lợi bất chính là 772.222.222 đồng (đã khắc phục số tiền 200.000.000 đồng), trả cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền số tiền thu lợi bất chính là 67.500.000 đồng (đã khắc phục số tiền 65.000.000 đồng, ông Châu không yêu cầu số tiền còn lại).

+ Đối với bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền cho vay là 1.200.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 56.666.666 đồng (đây là tiền liên quan đến việc phạm tội). Tuy nhiên, số tiền bị cáo Vĩnh cho người liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Thành vay là 500.000.000 đồng, bà Đỗ Thị Kim Phượng vay 200.00.000 đồng nhưng bà Thành và bà Phượng chưa trả tiền gốc này, do đó truy thu bị cáo Vĩnh số tiền vay là 500.000.000 đồng; bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người liên

quan bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền là 116.666.667 đồng (đã khắc phục 20.000.000 đồng), cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 125.000.000 đồng (đã khắc phục 100.000.000 đồng), cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền 41.666.667 đồng.

+ Đối với bị cáo Lê Nam Chung: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền cho vay là 2.150.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 21.388.889 đồng (đây là tiền liên quan đến việc phạm tội). Hiện số tiền cho vay bị cáo thu lại 2.000.000.000 đồng, người liên quan Đỗ Thanh Châu còn nợ bị cáo 150.000.000 đồng, do đó truy thu số tiền cho vay của bị cáo là 2.000.000.000 đồng; bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người liên quan ông Đỗ Thanh Châu 140.611.111 đồng (đã khắc phục 10.000.000 đồng).

+ Đối với người liên quan bà Đỗ Thị Kim Phượng truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng, đây là số tiền bà Phượng vay của bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh nhưng bà Phượng chưa trả cho bị cáo Vĩnh.

+ Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Thành truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 4.700.000.000 đồng, đây là số tiền bà Thành vay của bị cáo Trần Thị Thuý Phượng và bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh nhưng bà Thành chưa trả cho bị cáo Phượng và bị cáo Vĩnh.

+ Đối với ông Đỗ Thanh Châu truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000.000 đồng, đây là số tiền ông Châu vay của bị cáo Nguyễn Hữu Tĩnh và bị cáo Lê Nam Chung nhưng ông Châu chưa trả cho bị cáo Tĩnh và bị cáo Chung.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

Đối với các tài liệu chứng cứ thu giữ và bảo quản tại hồ sơ vụ án thì tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền tạm giữ của các bị cáo cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo đã liên lạc với nhau trong quá trình phạm tội. Trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng không liên quan đến vụ án.

Các bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Bị cáo Trần Thị Thuý Phượng và bà Nguyễn Thị Ngọc Thành, ông Đỗ Thanh Châu, bà Đỗ Thị Kim Phượng có quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2021, do cần tiền để kinh doanh nên Nguyễn Thị Ngọc Thành, Đỗ Thanh Châu, Đỗ Thị Kim Phượng nhiều lần liên hệ với Trần Thị Thuý Phượng, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung để vay mượn tiền với lãi suất cao hơn gấp nhiều lần so với mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định. Khi không còn khả năng thanh toán và dưới sức ép đòi nợ, Đỗ Thị Kim Phượng đã đến Công an tỉnh Quảng Nam trình báo về việc các bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình điều tra còn xác định, ngoài việc vay

của Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung, Nguyễn Thị Ngọc Thành còn nhiều lần vay tiền của bị cáo Nguyễn Văn Trì. Cách thức cho vay là khi Nguyễn Thị Ngọc Thành, Đỗ Thanh Châu, Đỗ Thị Kim Phượng cần tiền thì liên hệ với những người cho vay và tự thỏa thuận lãi suất với người cho vay hoặc đồng ý với mức lãi suất do người vay đưa ra. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận dao động từ 0.3% đến 0.4%/ngày tương đương mức lãi suất từ 108% đến 180%/1 năm, gấp từ 06 lần đến 09 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (không quá 20%/01 năm). Số tiền thu lợi bất chính trong vụ án của các bị cáo cụ thể là: Đối với bị cáo Phượng là 1.831.155.555 đồng, bị cáo Trì là 933.222.222 đồng, bị cáo Tĩnh là 839.722.222 đồng, bị cáo Vĩnh là 283.333.334 đồng và bị cáo Chung là 140.611.111 đồng. Trong vụ án này, hành vi của mỗi bị cáo độc lập nhau, không có tính tổ chức, liên kết với nhau.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015 và cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, cụ thể là trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo có cho vay 2 lần trở lên với mức lãi suất gấp 5 lần trở lên và thu lợi bất chính trên 30 triệu đồng. Nên các bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục, trả một phần số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 BLHS, gia đình các bị cáo Phượng, Tĩnh có công với nước; bị cáo Chung và Tĩnh đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51BLHS, bị cáo Vĩnh là lao động chính trong gia đình.

[4] Về phân hóa tội phạm: Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết, hành vi mang tính độc lập nên không có đồng phạm, không có tổ chức.

Xét về số tiền thu lợi bất chính trong vụ án thì thấy rằng, bị cáo Trần Thị Thúy Phượng là người thu lợi bất chính cao nhất rồi đến bị cáo Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu Tĩnh, Trần Phước Vĩnh và Lê Nam Chung nên xem xét trách nhiệm hình sự bị cáo Phượng là cao nhất, bị cáo Chung là thấp nhất.

Tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo chỉ cho 3 người vay là bà Phượng, và vợ chồng bà Thành, ông Châu. Không có tính tổ chức hay băng nhóm tội phạm mà đơn thuần cá nhân các bị cáo xuất phát từ việc muốn có lãi suất cao hơn. Các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định và việc cho vay không mang tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng bị cáo Phượng là nữ, hiện là giáo viên, đang nuôi 3 con nhỏ nên việc áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung và theo đúng nguyên tắc xử lý người phạm tội theo Nghị

quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Đối với số tiền cho vay và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là tiền liên quan đến việc phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Bị cáo Trần Thị Thúy Phượng:

Tổng số tiền cho vay 6,6 tỷ đồng, bà Đỗ Thị Kim Phượng đã trả 1,4 tỷ đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc Thành trả 1 tỷ đồng, còn nợ lại 4,2 tỷ đồng. Vì vậy truy thu của bị cáo Phượng 2,4 tỷ, truy thu của bà Nguyễn Thị Ngọc Thành 4,2 tỷ. Và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS của bị cáo Phượng là 358.444.444 đồng

- Bị cáo Nguyễn Văn Trì: số tiền cho vay 10.200.000.000 đồng. Bị cáo đã thu lại toàn bộ số nợ gốc nên tịch thu toàn bộ số tiền cho vay và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS 175.277.778 đồng

- Nguyễn Hữu Tĩnh: số tiền cho vay 2.150.000.000 đồng. Trong đó Tĩnh đã thu lại 2 tỷ, ông Đỗ Thanh Châu còn nợ là 150.000.000đ nên truy thu của bị cáo 2 tỷ, ông Châu 150 triệu đồng. Và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 200.277.778 đồng.

- Nguyễn Phước Vĩnh: số tiền cho vay 1.200.000.000 đồng. Trong đó Vĩnh đã thu được 650.000.000, bà Đỗ Thị Kim Phượng còn nợ 200.000.000đ, bà Nguyễn Thị Ngọc Thành còn nợ 350.000.000đ nên truy thu số tiền còn nợ của bà Phượng là 200 triệu, bà Thành 350 triệu, bị cáo Vĩnh là 650 triệu. Và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 56.666.666 đồng

- Lê Nam Chung: số tiền cho vay 2.150.000.000 đồng. Trong đó Chung đã thu được 2 tỷ, ông Đỗ Thanh Châu còn nợ 150.000.000 đồng nên truy thu số tiền còn nợ của ông Đỗ Thanh Châu là 150 triệu, của bị cáo là 2 tỷ. Và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 21.388.889 đồng.

[5.2] Trả lại số tiền lãi thu vượt quá 20%/năm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Bị cáo Trần Thị Thúy Phượng trả cho bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền 460.955.555đ, đã trả 30 triệu, còn phải trả 430.955.555đ; trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 1.370.200.000đ đã trả 15 triệu, còn phải trả 1.355.200.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn Trì phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 933.222.222đồng. Bị cáo đã trả 1.150.000.000đ nên bà Thành có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo Trì số tiền 216.777.778 đồng

Bị cáo Nguyễn Hữu Tĩnh thu lãi của bà Đỗ Thị Kim Phượng là 1.010.000.000đ, thu lợi bất chính 822.222.222 đồng nhưng đã cho lại bà Phượng 50 triệu, thực tế còn 772.222.222đ nên bị cáo phải trả cho bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền 772.222.222đ, đã trả 200 triệu, còn phải trả 572.222.222đ và trả cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền 67.500.000đ, bị cáo đã trả 65 triệu đồng, ông Châu không yêu cầu bị cáo trả 2,5 triệu đồng còn lại.

Bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh trả cho bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền 116.666.667 đ, đã trả 20 triệu, còn phải trả 96.666.667đ, trả cho ông Đỗ Thanh

Châu số tiền 41.666.667đ, trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 125.000.000đ, đã trả 100 triệu, còn phải trả 25 triệu đồng.

Bị cáo Lê Nam Chung trả cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền 140.611.111đ, đã trả 10 triệu, còn phải trả 130.611.111đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với các tài liệu chứng cứ thu giữ và bảo quản tại hồ sơ vụ án thì tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền tạm giữ của các bị cáo Nguyễn Hữu Tinh, Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Tri là 100.550.000 và 20 USD cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo đã liên lạc với nhau trong quá trình phạm tội. Trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng không liên quan đến vụ án khi khám xét nơi ở của các bị cáo. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không liên quan đến vụ án, vật cấm, không còn giá trị sử dụng.

[7] Đối với hành vi tàng trữ trái phép đồ chơi nguy hiểm, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ của bị cáo Lê Nam Chung không đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Xuyên chuyển hồ sơ cho Công an huyện Duy Xuyên để xử lý hành chính đối với Lê Nam Chung là đúng quy định.

Đối với bà Lê Thị Thủy cho bị cáo Lê Nam Chung số tài khoản ngân hàng TPbank số 0233319501 để sử dụng, bà Thủy không biết Chung sử dụng vào mục đích phạm tội nên không xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu Tinh và bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh khai nhận từ khoảng tháng 7/2020 đến tháng 9/2021 có cho khoảng 07 người vay tiền với mức lãi suất từ 36%/1 năm đến 60%/1 năm nhưng không nhớ cụ thể tên họ, địa chỉ, một số người khác thì xác minh không có mặt tại địa phương nên không thể làm việc được, Cơ quan CSĐT tách hành vi này để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[8] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Hữu Tinh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu Tỉnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 2 điều 201; Điều 35, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn Trì không áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Trần Thị Thúy Phượng: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng)
- Nguyễn Văn Trì: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)
- Nguyễn Hữu Tỉnh: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).
- Nguyễn Phước Vĩnh: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).
- Lê Nam Chung: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1 Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền cho vay số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của các bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Thị Thúy Phượng: Số tiền cho vay 2,4 tỷ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất là 358.444.444 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn Trì: số tiền cho vay 10.200.000.000 đồng (Mười tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS 175.277.778 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hữu Tỉnh: số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 200.277.778 đồng (Hai trăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

- Bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh: số tiền cho vay 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 56.666.666 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Lê Nam Chung: số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 21.388.889 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

3.2 Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền cho vay của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thành 4.550.000.000đ đ (Bốn tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Ông Đỗ Thanh Châu 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Bà Đỗ Thị Kim Phượng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3.3 Trả lại số tiền lãi thu vượt quá 20%/năm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

- Bị cáo Trần Thị Thúy Phượng trả cho bà Đỗ Thị Kim Phượng số tiền 430.955.555đ (Bốn trăm ba mươi triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm

năm mươi lăm đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 1.355.200.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hữu Tĩnh trả cho bà Đỗ Thị Kim Phụng số tiền 572.222.222đ (Năm trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

- Bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh trả cho bà Đỗ Thị Kim Phụng số tiền 96.666.667đ (Chín mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trả cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền 41.666.667đ (Bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thành số tiền 25 triệu đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Bị cáo Lê Nam Chung trả cho ông Đỗ Thanh Châu số tiền 130.611.111đ (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thành có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Trì số tiền 216.777.778 đồng (Hai trăm mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Ngọc Thành, Đỗ Thanh Châu và bà Đỗ Thị Kim Phụng, Nguyễn Văn Trì (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng Trần Thị Thúy Phụng, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Phước Vĩnh, Lê Nam Chung và bà Nguyễn Thị Ngọc Thành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tĩnh

- Tiếp tục tạm giữ 20 (hai mươi) tờ tiền giấy mệnh giá 100 USD, 46.650.000đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền VND để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước Điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng, IMEI: 355565707692953.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 thẻ ATM tên NGUYỄN HỮU TINH.

- Trả 01 CMND mang tên Nguyễn Hữu Tĩnh, 01 CMND mang tên Đào Văn Nhân, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 9211-0032, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đỗ Kinh Chương, 01 Thẻ thanh toán plus ngân hàng Sacombank, 05 thẻ ATM mang tên LE LINH SAN, 01 (một) CMND bản photo + Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vũ Đình Thắng.

4.2. Đối với bị cáo Lê Nam Chung

- Tịch thu tiêu huỷ các đồ vật sau:

- + 02 (hai) khẩu súng bằng kim loại, màu đen trên súng có các ký tự "PATENTED APR 20, 1897. SEPT. 9. 1902 COLT'S PT. F.A. MFG. CO DEC 19. 1905. FEB. 14. 1911. AUG. 19. 1913 HARTFORD. CT U.S.A

- + 01 (một) Khẩu súng bằng kim loại, màu xám đen, hai bên súng có ký tự "MADE IN CHINA D.E.P" và "DESERT EAGLE PISTOL"

+ 25 (hai mươi lăm) viên đạn bằng kim loại, màu vàng, đầu đạn hình cầu màu đen, đuôi đạn có ký tự "YAS GLD 9mm PAK

+ 01 (một) Bình xịt bằng kim loại màu vàng đen, phần thân bình hình trụ tròn, bên trên có ký tự "TAKE DOWN", phía trên miệng bình có tay cầm bằng nhựa

+01 (một) Cây gậy bóng chày, trên gậy có ký tự "BAT", "CHUANG XINH

+ 01 (một) Cây rửa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại.

+ 04 (bốn) Cây cơ bida nhiều màu đã được tháo rời làm đôi.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu vàng, IMEI: 353369284711845.

- Trả 01 (một) CMND mang tên Nguyễn Mạnh Thông, 01 (một) Thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên TRAN THỊ TRÚC, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy 43C1-551.16, 01 (một) Sổ hộ khẩu số 150255274, 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo có xác nhận của ngân hàng HDBank).

4.3. Đối với bị cáo Nguyễn Phước Vĩnh

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) Điện thoại di động loại Iphone 12 Pro Max màu vàng đồng.

4.4. Đối với bị cáo Trần Thị Thúy Phượng

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) Điện thoại di động loại Oppo Reno màu đen.

- Trả 01 (một) Điện thoại di động loại Iphone Xs màu vàng đồng. 01 (một) điện thoại di động loại Oppo Reno6 5G màu bạc, 01 (một) Điện thoại di động loại Oppo F3 Plus màu vàng đồng, 01 (một) Máy tính bảng loại Ipad Pro 9.7inch màu vàng đồng, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Tám. 10 Tờ giấy có nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Tập biên lai thu tiền, 01 (một) Tập giấy gồm 13 (mười ba) tờ, 02 (hai) cuốn vở, sổ có ghi nhiều nội dung.

4.5. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Trì:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động loại Iphone 11 Pro Max màu vàng đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn Trì. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội

- Trả 01 (một) Sổ hộ khẩu + CMND mang tên Lê Ngọc Thắng. 01 (một) Điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 màu đen.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên quản lý.

Về án phí: Bị cáo Trần Thị Thúy Phượng, Nguyễn Văn Trì, Nguyễn Hữu Tỉnh, Nguyễn Phước Vĩnh và Lê Nam Chung mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VP công an huyện Duy Xuyên;
- Lưu HS-AV.

Võ Thị Tám